

# VẤN ĐỀ ĐẤU TRANH QUÂN SỰ Ở NAM BỘ SAU HIỆP ĐỊNH PARIS

HỒ SƠN ĐÀI\*

Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết tại Paris vào ngày 27 tháng 1 năm 1973. Những nội dung cơ bản của Hiệp định này là: Mỹ phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; Cam kết chấm dứt dính líu quân sự, rút hết quân Mỹ và các nước khác; Không can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Thực hiện nội dung Hiệp định, nhân dân miền Nam chuyển từ chiến tranh quân sự sang đấu tranh chính trị nhằm tiến tới tổng tuyển cử tự do dân chủ, có sự giám sát quốc tế, thống nhất nước nhà thông qua con đường hiệp thương giữa hai miền Nam Bắc. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ không chịu thi hành Hiệp định, tiếp tục thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", chỉ huy ngụy quân, ngụy quyền sử dụng bạo lực phản cách mạng tiến hành lấn chiếm và bình định, sẵn sàng gây chiến, mưu toan phục hồi vùng chúng kiểm soát trên toàn lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Nhân dân miền Nam đứng trước sự lựa chọn: Vừa phải đấu tranh chính trị pháp lý đòi địch thi hành Hiệp định; Vừa phải giữ gìn, phát triển thế và lực cách mạng tiến tới hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Do đó, vấn đề đấu tranh quân sự không khỏi gặp

những khó khăn trong từng thời điểm, từng vùng chiến trường nhất định. Tại nhiều địa phương Nam Bộ, quân và dân ta đã nỗ lực khắc phục những khó khăn, tổn thất do hành động phá hoại Hiệp định của địch gây ra, từng bước khôi phục và đẩy mạnh đấu tranh quân sự cả trong nhận thức lẫn hoạt động thực tiễn nhằm giành lại thế chủ động trên chiến trường. Quá trình đó diễn ra trong thời gian gần một năm, từ sau ngày ký Hiệp định Paris đến trước mùa khô 1973-1974.

\*

Tuy bị thất bại hoàn toàn trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, buộc phải rút hết quân đội Mỹ và các nước phụ thuộc ra khỏi miền Nam Việt Nam, nhưng Mỹ vẫn tiếp tục sử dụng ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới, hòng chia cắt lâu dài nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành một quốc gia riêng biệt, thân Mỹ. Thông qua viện trợ quân sự và kinh tế, chúng tăng cường củng cố ngụy quân, ngụy quyền thực hiện kế hoạch xây dựng quân ngụy (1974-1979) làm chỗ dựa kéo dài chiến tranh; Tiếp tục duy trì một "lực lượng răn đe" ở Đông Nam Á bằng không quân, hải quân Mỹ (1) và xúc tiến ngoại giao cô lập Việt Nam; Tăng cường bình định và lấn chiếm

\*TS. Phòng Khoa học Công nghệ - Môi trường Quân khu 7.

một cách quyết liệt với kế hoạch 3 năm (1975-1977), nhằm "duy trì trọn vẹn lãnh thổ đã kiểm soát không để mất thêm một áp nào" (kế hoạch Lý Thường Kiệt - 1973); Tranh thủ hoàn thành giai đoạn I phục hồi kinh tế (1973-1974) trong kế hoạch kinh tế dài hạn (1973-1980) nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, phong tỏa kinh tế ta ở vùng giải phóng. Mục tiêu chiến lược của Mỹ-Thiệu là đến những năm 1978-1980, chiến tranh sẽ tự tàn lụi, chúng kiểm soát lại toàn bộ miền Nam.

Ngay trước khi ký Hiệp định Paris, Mỹ tranh thủ thời gian tăng cường trang bị cho quân nguy. Sau khi Hiệp định được ký kết, trong năm 1973, chúng lại tiếp tục đưa vào miền Nam Việt Nam một khối lượng lớn vũ khí trang bị và dự trữ vật tư chiến tranh (2). Nhờ vậy, Thiệu ra sức phát triển quân đội, xây dựng các binh chủng (trang bị thêm xe tăng M.48, pháo tầm xa 175 mm, máy bay cường kích F.5E), thành lập thêm các liên đoàn bảo an cơ động chiến đấu, nhiều tiểu đoàn cảnh sát dã chiến, tăng cường lực lượng bảo an và phòng vệ dân sự. Trong năm 1973, trên toàn chiến trường miền Nam, quân đội nguy lên tới 720.000 tên, phòng vệ dân sự có 1.500.000 tên (trong đó 400.000 tên có vũ trang). Riêng tại chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, vào thời điểm tháng 1-1973, quân đội nguy có 358.000 tên, phòng vệ dân sự vũ trang là 250.000 tên; bao gồm 6 sư đoàn và 7 trung đoàn chủ lực, 252 tiểu đoàn và 211 đại đội bảo an, 36 đại đội và 3.730 trung đội dân vệ; 1.216 xe thiết giáp, 798 khẩu pháo, 1.076 máy bay (trong đó có 314 máy bay chiến đấu), 1.330 tàu hải quân, 8.471 căn cứ đồn bốt các loại (3). Cộng chung, quân số địch đông gấp 2,5 lần so với các đơn vị lực lượng vũ trang cách mạng.

Lợi dụng điều khoản ngừng bắn, ngay từ đầu năm 1973, địch ồ ạt mở các cuộc hành quân "tràn ngập lãnh thổ", ráo riết thực hiện kế hoạch "bình định đặc biệt", chiếm lại các căn cứ lồi của ta, nống ra vùng giáp ranh, uy hiếp các hành lang vận chuyển, đẩy quân chủ lực của ta ra xa vùng kiểm soát của chúng; đồng thời thực hiện cuộc "cách mạng hành chính" củng cố bộ máy kìm kẹp ở cơ sở, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, xuyên tạc Hiệp định Paris, tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp, biệt kích, phá hoại cơ sở của ta. Vào thời điểm cao nhất trong năm 1973, chúng tập trung gần như toàn bộ quân địa phương và 60% quân chủ lực vào chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ", bình định lấn chiếm.

Tại miền Đông Nam Bộ, địch ném bom Thiệu Ngôn, Xa Mát, Lộc Ninh, lấn chiếm khu trung tuyến Bắc - Tây Bắc Sài Gòn, các khu vực đường số 7 Bến Cát, đường số 2 và 23 Bà Rịa - Long Khánh. Tại miền Trung Nam Bộ, chúng huy động lực lượng giải tỏa áp lực của ta ở ven thị xã Mỹ Tho, Nam - Bắc lộ 4; hành quân lấn chiếm ở tuyến biên giới Kiến Tường, vùng 20/7, Nam Giồng Trôm... Tại miền Tây Nam Bộ, địch liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét lấn chiếm cấp sư đoàn và tiểu khu, tập trung đánh vào vùng trung tâm Hậu Giang (tỉnh Chương Thiện của nguy). Chỉ tính trong vòng 1 tháng sau khi Hiệp định Paris có hiệu lực, trên toàn chiến trường miền Nam, địch đã vi phạm Hiệp định 70.000 lần, trong đó có 19.780 cuộc hành quân lấn chiếm, 30.375 vụ ném bom và 31.075 cuộc hành quân cảnh sát.

Như vậy, hiệp định lập lại hòa bình được ký kết nhưng trong thực tế, chiến tranh chưa chấm dứt mà vẫn tiếp tục tiếp diễn ở miền Nam nói chung, ở chiến trường Nam Bộ nói riêng.

Về phía ta, cuộc tổng tiến công chiến lược trên chiến trường miền Nam và đòn giáng trả cuộc tập kích chiến lược B.52 của Mỹ ở miền Bắc trong năm 1972 đã buộc địch phải ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, tạo ra một tình thế đưa cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam chuyển sang một giai đoạn mới. Tại Nam Bộ, các lực lượng vũ trang phối hợp với lực lượng chính trị thực hiện "kế hoạch thời cơ" tranh thủ cầm cờ, giữ đất, mở vùng trước giờ lệnh ngừng bắn có hiệu lực; phá vỡ các tuyến phòng ngự biên giới phía Bắc Sài Gòn, mở rộng vùng giải phóng và căn cứ địa, đưa lực lượng chủ lực về triển khai trên những địa bàn chiến lược quan trọng tạo thế bao vây uy hiếp địch ở vùng trung tuyến, vùng ven, các đường giao thông chiến lược và các thị trấn, thị xã, thành phố. Phong trào đấu tranh chính trị tại các đô thị phát triển mạnh mẽ. Quần chúng ở nông thôn đấu tranh bùng ra sản xuất, về vùng giải phóng xây dựng đời sống mới.

Trước tình hình trên, cuối tháng 1-1973, Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng gửi các khu ủy, quân khu ủy miền Nam bản Dự thảo Nghị quyết, trong đó chỉ rõ: "Trước hết, chưa thể coi là ở miền Nam đã thật hết tình trạng chiến tranh vì tình hình có thể phát triển theo hai khả năng, hoặc giữ được hòa bình, hoặc chiến tranh trở lại. Không thể có ảo tưởng địch sẽ thi hành một cách nghiêm chỉnh vì chúng rất lo ngại trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn..." (4). Từ đó, chúng ta phải "kiên quyết giữ vững hòa bình, không chủ động gây ra xung đột quân sự, gây ra nội chiến, ra sức giữ vững và phát huy thắng lợi đã giành được, củng cố và tăng cường thực lực về mọi mặt, tranh thủ thuận lợi mới, khả năng mới để đưa cách mạng tiến lên

bằng cao trào chính trị, có lực lượng vũ trang làm hậu thuẫn" (5).

Do quán triệt không đầy đủ nội dung Dự thảo Nghị quyết nêu trên, một số cán bộ các cấp ở Đông Nam Bộ và Trung Nam Bộ đã phạm sai lầm hữu khuynh trong chỉ đạo thực hành đấu tranh với địch sau Hiệp định Paris. Có nơi chủ trương phân tuyến với địch, rút các sư đoàn chủ lực về giữ căn cứ, giao cho bộ đội địa phương chống địch lấn chiếm. "Có xu hướng giản đơn cho là lửa chiến tranh chỉ "liu riu", hoặc đã "tắt lửa chiến trường". Cũng đã có một kế hoạch sử dụng 3,5 tỷ USD mà phía Mỹ đã hứa bồi thường chiến tranh để làm vốn tích lũy ban đầu. Ngay ở Tổng hành dinh cũng có ý kiến không muốn đánh trả, e ngại vi phạm Hiệp định Paris" (6). Một số địa phương còn đề ra chủ trương 5 cấm: cấm tiến công địch, cấm đánh quân địch lấn chiếm, cấm vây đồn, cấm pháo kích, cấm xây dựng xã chiến đấu. Không ít cán bộ tỏ ra lúng túng cả trong nhận thức lẫn hành động thực tiễn trước yêu cầu nhiệm vụ mới. Thêm vào đó là tư tưởng mệt mỏi, ngại tiếp tục chiến tranh, ngại vi phạm Hiệp định...

Hành động chống phá Hiệp định quyết liệt của địch và sai lầm hữu khuynh của một số cán bộ các cấp đã dẫn đến kết quả gây cho ta không ít tổn thất khó khăn, đặc biệt là mất đất, mất dân. Trong tháng 2 và 3-1973, tại Đông Nam Bộ, địch lấn chiếm hầu hết các vùng ta mới mở, bao gồm 309 ấp với 290.000 dân. Tại Trung Nam Bộ, địch chiếm lại 120 ấp, 24 xã với hơn 100.000 dân, đóng mới 287 đồn bốt. Tính đến tháng 8-1973 (khi Nghị quyết 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng được phổ biến trên chiến trường miền Nam), địch đã tiến hành hàng vạn cuộc hành quân lớn nhỏ (trung bình 30-40 cuộc/ngày, cao nhất trên 100 cuộc/ngày);

lấn chiếm được 835 ấp (trong đó có 457 ấp được giải phóng trước khi ngừng bắn); đóng mới 1.035 đồn bốt (trong đó có 356 đồn bốt bị ta tiêu diệt trước khi ngừng bắn); phá một số căn cứ lõm của ta đặc biệt ở địa bàn Trung Nam Bộ; đốt phá nhiều cửa khẩu, hành lang vận chuyển, nguồn cung cấp dự trữ chiến tranh của ta (7).

Mặc dù còn lúng túng về mặt chủ trương, nhưng trước hành động đánh phá điên cuồng của địch, lực lượng vũ trang của ta buộc phải nổ súng giáng trả. Tại Đông Nam Bộ, các lực lượng vũ trang kiên quyết đánh địch ở Nam Tòa thánh Tây Ninh, dọc sông Vàm Cỏ Đông, khu vực dọc các đường giao thông số 13, 15, 20, 7, 10. Đặc biệt, Sư đoàn 7 phối hợp với Trung đoàn độc lập 205 chặn đánh cuộc hành quân lớn của địch vào Dầu Tiếng, diệt và bắt sống hàng trăm tên địch. Tại Trung Nam Bộ, các lực lượng vũ trang cách mạng chặn đánh địch ở tuyến biên giới Hồng Ngự, Nam - Bắc lộ 4, Gò Công.

Riêng tại Tây Nam Bộ, ngay sau ngày Hiệp định Paris được ký kết, Bộ Tư lệnh Khu 9 (do đồng chí Lê Đức Anh, Phó Tư lệnh Miền kiêm Tư lệnh và đồng chí Võ Văn Kiệt, Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy) trên cơ sở nhận định địch sẽ không thi hành Hiệp định, tiếp tục chiến tranh, đã chỉ đạo các đơn vị vũ trang tiếp tục chiến đấu, giành thắng lợi lớn ở Long Mỹ, Tam Bình, Trà Ôn, mở rộng hành lang từ căn cứ U Minh lên Cần Thơ. Ngày 3-2-1973, Khu ủy Khu 9 họp Hội nghị Ban Thường vụ mở rộng quyết nghị đề nghị lên Trung ương Cục miền Nam tiếp tục được giữ thế tiến công, kiên quyết đánh trả địch lấn chiếm, từng bước đưa mũi đấu tranh chính trị và binh vận lên ngang hàng với mũi tiến công quân sự. Các trung đoàn chủ lực của Khu và Miền được giữ lại tiếp

tục chiến đấu, làm chỗ dựa cho lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương đánh bật nhiều cuộc hành quân lấn chiếm của địch, đặc biệt ở vùng trọng điểm Long Mỹ. Kinh nghiệm về hoạt động quân sự ở Tây Nam Bộ được phổ biến rộng rãi thông qua bản Thông báo của Bộ Tư lệnh Miền: "Quân khu 9 đã đánh giá đúng âm mưu ngoan cố phá hoại hiệp định, phá hoại hòa bình của địch, dự kiến được những thủ đoạn xảo quyệt của chúng nên đã chỉ đạo các lực lượng vũ trang có biện pháp đối phó thích hợp, kịp thời uốn nắn những tư tưởng lệch lạc, suy nghĩ đơn giản, ảo tưởng hòa bình, thiếu cảnh giác, trông chờ ủy ban quốc tế và Ban liên hiệp quân sự bốn bên đi kiểm tra. Khu ủy đã đánh giá đúng những mặt yếu mới của địch, nhất là tinh thần sa sút, nên đã có kế hoạch tấn công quân sự, kết hợp tấn công chính trị, binh vận ở cơ sở tương đối tốt" (8).

Rõ ràng, sự lúng túng ở chiến trường Đông và Trung Nam Bộ và thành công ở Tây Nam Bộ trong hoạt động đấu tranh quân sự đang đặt ra yêu cầu cần có chủ trương thống nhất, xuyên suốt từ trên xuống dưới về phương châm đấu tranh trong tình hình mới nhằm tiếp tục đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Tháng 5-1973, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng bàn về vấn đề miền Nam. Tham dự Hội nghị, ngoài các Ủy viên Bộ Chính trị, còn có nhiều cán bộ lãnh đạo, chỉ huy từ chiến trường miền Nam ra (Nguyễn Văn Linh, Hoàng Văn Thái, Chu Huy Mân, Trần Nam Trung, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Minh Đường, Trần Hữu Dục, Song Hào, Trần Quý Hai, Lê Trọng Tấn, Hoàng Minh Thảo). Hội nghị đã tập trung đánh giá tình hình cách mạng miền Nam, phân tích nguyên nhân dẫn đến thực trạng địch vẫn giành được quyền chủ

động tiến công, ta phải bị động đối phó, có những nơi mất đất, mất dân trong những tháng đầu năm 1973 là do "ta có khuyết điểm chứ không phải do địch mạnh, do lúc đầu ta không đánh giá hết âm mưu của địch và khả năng của chúng thực hiện âm mưu ấy. Chúng ta đã không có chủ trương kịp thời, nhất quán từ đầu về vị trí, nội dung của tiến công quân sự" (9). Từ đó, Hội nghị Bộ Chính trị chủ trương: "Trong khi địch dùng hành động quân sự đánh ta, ta vẫn cần phải chủ động tiến công địch, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và pháp lý... Tiến công quân sự bằng phản công của ta là chủ động, chỉ có qua đó mà từng bước đánh bại mọi hành động vi phạm của địch" (10). Nội dung Hội nghị Bộ Chính trị tháng 5-1973 là cơ sở để Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 diễn ra hai tháng sau đó và khẳng định: Cách mạng miền Nam có thể phải trải qua nhiều bước quá độ và chỉ có thể giành được thắng lợi bằng con đường bạo lực cách mạng, tiến hành khởi nghĩa dựa trên lực lượng chính trị và lực lượng quân sự hoặc là trong trường hợp chiến tranh lớn trở lại thì tiến hành chiến tranh cách mạng để giành thắng lợi hoàn toàn.

Quán triệt nội dung Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng, tháng 6-1973, Trung ương Cục miền Nam họp để ra nhiệm vụ lãnh đạo các chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ đẩy mạnh xây dựng lực lượng chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương, đẩy mạnh mũi tiến công đánh địch vi phạm Hiệp định. Từ tháng 6-1973, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh chính trị ở vùng nông thôn tạm bị chiếm và ở các đô thị, phong trào xây dựng đời sống mới mạnh ở vùng giải phóng và căn cứ địa, hoạt động đấu tranh quân sự được đẩy lên

bước phát triển mới trên khắp các chiến trường.

Tại miền Đông Nam Bộ, các đơn vị quân chủ lực kết hợp cùng với lực lượng vũ trang địa phương áp sát ra vùng tranh chấp, vùng trung tuyến, vùng ven đê hoạt động, tổ chức nhiều trận đánh thắng lợi ở Củ Chi, Gò Dầu, Trảng Bàng, Bến Cát, Đức Hòa, Cần Đức, Bàu Hàm; bám lại hoạt động tại các khu vực dọc các đường giao thông số 23, 1, 15, 24...

Tại miền Trung Nam Bộ, lực lượng vũ trang chuyển sang phản công, tiến công, chặn và đẩy lùi địch ở các khu vực Nam - Bắc lộ 4 (Mỹ Tho), Mỏ Cày, Giồng Trôm (Bến Tre); mở rộng diện tranh chấp làm chủ ở Kiến Phong, Chợ Gạo, Gò Công. Đến cuối năm 1973, ta đã khôi phục lại về cơ bản hình thái các mảng, các lõm giải phóng và tranh chấp trước ngày 27-1-1973, đặc biệt ở các khu vực Nam - Bắc lộ 4, Bến Tre, vùng 4 Kiến Tường. Chỉ trong vòng 2 tháng (9 và 10-1973), Quân khu 8 đã tiêu diệt, bức rút, bức hàng 79 đồn bốt, mở lại các vùng giải phóng Kiến Văn, Kiến Phong và vùng 20-7.

Tại miền Tây Nam Bộ, quân và dân Quân khu 9 tiếp tục giữ vững và đẩy mạnh đòn tiến công quân sự, đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm của địch, chẳng những giữ được hình thái trước ngày 27-1-1973 mà còn mở rộng các lõm giải phóng trên địa bàn các tỉnh. Đặc biệt, trong tháng 7-1973, các lực lượng vũ trang quân khu đã đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm dài ngày của hơn 70 tiểu đoàn địch tại Chương Thiện. Đến tháng 10-1973, Quân khu đã đánh tổng cộng 5.840 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 48.029 tên địch, diệt và bức rút 386 đồn bốt, giải phóng được 2 xã, 112 ấp với 54.500 dân.

Cùng với mũi đấu tranh chính trị, binh vận, hoạt động tiến công quân sự trong những tháng cuối mùa mưa năm 1973 tại Nam Bộ đã góp phần đưa cách mạng miền Nam bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn giành thế chủ động, kiên quyết tấn công, giành thắng lợi trong đánh địch bình định lấn chiếm, khuếch trương phong trào đấu tranh chính trị, phân hóa và cô lập địch, phát triển sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, xây dựng vùng giải phóng và căn cứ địa rừng núi, giữ vững và mở rộng nhiều mảng, lõm giải phóng ở đồng bằng sông Cửu Long. Tất cả tạo ra cơ sở để Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết tâm giải phóng miền Nam, đặt cơ sở để quân và dân Nam Bộ cùng quân và dân toàn miền Nam bước vào giai đoạn tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ, tiến lên thực hành Tổng tiến công và nổi dậy vào mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

### CHÚ THÍCH

(1). Lực lượng quân sự Mỹ vẫn có mặt ở Đông Bắc Thái Lan, Guam, Philippin và Hạm đội 7 với 4 hàng không mẫu hạm, 855 máy bay chiến thuật, 173 máy bay chiến lược B.52.

(2). Trong tháng 10 và 11-1972, Mỹ đưa vào miền Nam Việt Nam 652 máy bay các loại (trong đó có 250 máy bay chiến đấu, 300 máy bay lên thẳng, 60 máy bay trinh sát), 450 khẩu pháo các loại (trong đó có 70 khẩu từ 155 đến 175mm, 60 khẩu pháo phòng không), 220 xe thiết giáp. Trong năm 1973, đưa tiếp 100 khẩu pháo từ 105 đến 175mm, 24 khẩu pháo phòng không, 98 máy bay. Đến cuối năm 1973, tổng số dự trữ vật tư chiến tranh của quân ngụy lên tới 1.939.000 tấn, gồm 480.000 tấn đạn, 760 tấn xăng dầu, 690.000 tấn phương tiện khác.

(3). Ban Tổng kết chiến tranh B2. *Báo cáo tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên chiến*

Có thể nói rằng, tại Nam Bộ, việc xác chọn phương thức đấu tranh quân sự từ sau khi ký Hiệp định đến tháng 10-1973 diễn ra thiếu sự thống nhất từ trên xuống dưới, thiếu sự đồng đều giữa các vùng chiến trường, do đó gây không ít tổn thất và khó khăn cho cách mạng. Trong khoảng thời gian đó, các lực lượng vũ trang cách mạng không ngừng hoàn thiện nhận thức trong việc đánh giá kẻ thù, trong phân tích thực tiễn để tìm ra một lối đi chính xác, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu bức xúc của chiến trường. Cán bộ, chiến sĩ ở Nam Bộ, một lần nữa có cơ hội rèn luyện bản lĩnh chính trị, ý chí khắc phục khó khăn, tự chủ, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm trong những thời điểm có ý nghĩa bước ngoặt của lịch sử. Không ảo tưởng với kẻ thù, nắm vững tư tưởng bạo lực cách mạng, tư tưởng tiến công và tiến công liên tục là bài học sâu sắc nhất hình thành từ thực tiễn hoạt động đấu tranh quân sự trong thời đoạn lịch sử sau Hiệp định Paris.

*trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ*, 1979. Tài liệu lưu trữ Phòng Khoa học Công nghệ - Môi trường Quân khu 7.

(4). Xem Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, tập II. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 143.

(5). Võ Nguyên Giáp. *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 48-49.

(6). Võ Nguyên Giáp. Sđd, tr. 48-49.

(7). Ban Tổng kết chiến tranh B2. Tlđd.

(8). Hoàng Văn Thái. *Điện gửi các chiến trường về một số kinh nghiệm bước đầu của Quân khu 9*. LS.114. Lưu trữ Phòng Khoa học Công nghệ - Môi trường Quân khu 7.

(9), (10). Võ Nguyên Giáp. Sđd, tr. 67.